

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT TỐT NGHIỆP (đợt tháng 3 năm 2026)
BẬC CAO ĐẲNG, LIÊN THÔNG TRUNG CẤP LÊN CAO ĐẲNG VÀ TRUNG CẤP
HỆ CHÍNH QUY

Lưu ý:

Sinh viên đủ điều kiện dự xét tốt nghiệp đợt tháng 3/2026 nhưng không có tên trong danh sách này vui lòng liên hệ trực tiếp Phòng Đào tạo hoặc gửi thông tin qua mail: linhntm@itc.edu.vn

Thời gian: từ 02/02/2026 – 06/02/2026 (trong giờ hành chính).

Sau thời gian trên mọi khiếu nại sẽ không được giải quyết.

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	TenLopHoc	TBC	TBCTL	SoTCTL	Xếp loại TN	Ghi chú hạ bậc	Chuẩn đầu ra Tin học	Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ
					Cao đẳng							
1	506230591	Trịnh Văn	Luật	08/11/2005	CD23CM1	3.46	3.46	90	Giỏi			Anh văn B1
2	501230066	Nguyễn Hoàng	Luân	03/03/2001	CD23CT2	2.47	2.47	92	Trung bình			Anh văn B1
3	514230126	Trần Vĩnh	Phát	30/09/2005	CD23CT2	2.84	2.84	92	Khá			Anh văn B1
4	501230340	Lê Huy	Hoàng	15/10/2005	CD23CT3	2.86	2.86	92	Khá			Anh văn A2
5	501230273	Hồ Văn Quốc	Việt	19/04/2005	CD23CT3	2.29	2.29	92	Trung bình			Anh văn B1
6	501230057	Nguyễn Tăng Thế	Vinh	09/06/2004	CD23CT4	3.17	3.17	92	Giỏi			Anh văn B1
7	501230410	Nguyễn Tấn	Đạt	17/05/2005	CD23CT5	2.76	2.76	92	Khá			Anh văn A2
8	501230186	Trần Đăng	Khoa	02/01/2005	CD23CT5	2.62	2.62	92	Khá			Anh văn B1
9	501230179	Phạm Tuấn	Kiệt	17/07/2005	CD23CT5	2.36	2.36	92	Trung bình			Anh văn B1
10	501230411	Dương Thị Kim	Thảo	12/03/2005	CD23CT5	2.62	2.62	92	Khá			Anh văn A2
11	501230564	Huỳnh Đặng Hải	Nam	11/09/2005	CD23CT7	3.00	3.00	92	Khá	Hạ bậc theo QĐ		Anh văn B1

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	TenLopHoc	TBC	TBCTL	SoTCTL	Xếp loại TN	Ghi chú hạ bậc	Chuẩn đầu ra Tin học	Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ
12	514230566	Nguyễn Thanh	Tùng	05/11/1994	CD23CT7	3.31	3.31	92	Giỏi			Anh văn B1
13	501230076	Thạch Hồng	Cát	10/11/1997	CD23CT11	3.17	3.17	92	Giỏi			Anh văn A2
14	501230560	Hồ Quang	Dũng	09/12/2001	CD23CT11	2.57	2.57	92	Khá			Anh văn B1
15	501230106	Nguyễn Thành	Dương	19/06/2002	CD23CT11	2.69	2.69	92	Khá			Anh văn B1
16	501230044	Nguyễn Kim	Lân	16/08/1991	CD23CT11	3.57	3.57	92	Xuất sắc			Anh văn B1
17	501230643	Trần Thị Tuyết	Linh	18/01/1999	CD23CT11	3.33	3.33	92	Giỏi			Anh văn B1
18	501230522	Lê Hồng	Phương	30/06/1994	CD23CT11	3.58	3.58	92	Xuất sắc			Anh văn B1
19	501230402	Trần Nguyên	Trường	16/10/2005	CD23CT11	2.97	2.97	92	Khá			Anh văn B1
20	501230615	Nguyễn Võ Gia	Minh	21/10/2002	CD23CT12	2.99	2.99	92	Khá			Anh văn B1
21	501230598	Nguyễn Thanh	Nguyên	29/02/2000	CD23CT12	2.64	2.64	92	Khá			Anh văn B1
22	518230637	Dương Gia	Quyền	12/10/2000	CD23CT12	3.31	3.31	92	Giỏi			Anh văn B1
23	501230613	Lê Anh	Tuấn	15/09/2000	CD23CT12	3.12	3.12	92	Giỏi			Anh văn A2
24	501230161	Huỳnh Lưu Gia	Bảo	13/11/2005	CD23DH1	2.20	2.20	89	Trung bình		CCTHUDCB	Anh văn A2
25	501230429	Trà Tấn	Quang	01/01/2003	CD23DH1	2.28	2.28	89	Trung bình		CCTHUDCB	Anh văn B1
26	510230448	Trần Ngọc	Tài	29/03/2004	CD23DH1	2.59	2.59	89	Khá		CCTHUDCB	Anh văn A2
27	511230145	Trần Lê Trúc	Ngân	13/08/2005	CD23DH2	2.60	2.60	89	Khá		CCTHUDCB	Anh văn B1
28	510230553	Vy Hoàng Hồng	Ân	10/09/2005	CD23DH3	2.66	2.66	89	Khá		CCTHUDCB	Anh văn B1
29	514230421	Trương Ngọc Yến	Quỳnh	03/10/2005	CD23LM1	3.14	3.14	90	Giỏi			Anh văn B1
30	514230492	Trần Thế	Vãng	24/05/2005	CD23LM1	3.24	3.24	90	Giỏi		CCTHUDCB	Anh văn B1
31	512230530	Lê Thị Minh	Phương	31/08/2005	CD23MK1	3.75	3.75	82	Giỏi	Hạ bậc theo QĐ	CCTHUDCB	Anh văn B1
32	507230297	Nguyễn Quang	Vinh	11/05/2005	CD23QT1	2.78	2.78	86	Khá		CCTHUDCB	Anh văn B1
33	502230096	Trần	Lâm	28/12/2000	CD23TM1	2.89	2.89	91	Khá			Anh văn B1
34	502230197	Cái Đình	Pháp	18/07/2005	CD23TM1	3.04	3.04	91	Giỏi			Anh văn B1
35	502230415	Nguyễn Duy	Sang	13/12/2005	CD23TM1	2.78	2.78	91	Khá			Anh văn B1

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	TenLopHoc	TBC	TBCTL	SoTCTL	Xếp loại TN	Ghi chú hạ bậc	Chuẩn đầu ra Tin học	Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ
36	517230460	Nguyễn Mai Kiều	Anh	27/06/2001	CD23TT1	3.43	3.43	83	Giỏi		CCTHUDCB	Anh văn B1
37	501220180	Nguyễn Đặng Trung	Hiếu	29/07/2004	CD22TM1	2.06	2.06	90	Trung bình			Anh văn B1
					Liên thông Cao đẳng							
38	602240003	Nguyễn Lê Phúc	Khang	01/02/2006	CL24TM1	2.78	2.78	40	Khá			Anh văn B1
					Trung cấp							
39	801230004	Phạm Tấn	Hung	29/10/2002	TC23TH1	3.05	3.05	62	Giỏi			Anh văn B1